

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **69/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/12/2023

V/v tranh chấp “Không công nhận
vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Mộng Linh.

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp TA, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp TA, xã TP, huyện p, tỉnh Bến Tre.

Ông V và bà B có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/9/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Hoàng V trình bày:

Ông với bà B sống chung như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Ông và bà B có 01 con chung là Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn nên không còn sống chung. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án không công nhận ông với bà B là vợ chồng.

- Về con chung: Do con chung Phạm Thị Huỳnh N, sinh ngày 25/10/2002 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông V không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà B đã tự thoả thuận phân chia xong nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/11/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn Phan Thị B trình bày:

Bà với ông V sống chung như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Bà và ông B có 01 con chung là Phạm Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, những năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn nên không còn sống chung. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông V là vợ chồng.
- Về con chung: Do con chung Phạm Thị Huỳnh Như, sinh ngày 25/10/2002 đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà và ông V đã tự thỏa thuận phân chia xong nên không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Hoàng V yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với bà Phan Thị B, do bị đơn cư trú tại 202/3 ấp Thanh An, xã Thanh Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Phạm Hoàng V và bà Phan Thị B có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà B.

[3] Về hôn nhân: Ông Phạm Hoàng V và bà Phan Thị B sống chung như vợ chồng từ năm 1992 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống chung ông V và bà B phát sinh mâu thuẫn nên không còn sống chung. Lễ đó, căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình và điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận ông V và bà B là vợ chồng.

[4] Về con chung: Do con chung Phạm Thị Huỳnh Như, sinh ngày 15/10/2002; đã có gia đình riêng nên ông V và bà B không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông V và bà B trình bày đã tự thỏa thuận phân chia xong nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông V và bà B trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7] Ông Phạm Hoàng V phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 227, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 16, 53, 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm b mục 3 Nghị quyết 35 ngày 09/6/2000 ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V. Không công nhận ông Phạm Hoàng V và bà Phan Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Do con chung Phạm Thị Huỳnh Như, sinh ngày 15/10/2002; đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông V và bà B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Phạm Hoàng V và bà Phan Thị B trình bày đã tự thỏa thuận phân chia xong, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Phạm Hoàng V và bà Phan Thị B trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Hoàng V phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0007050 ngày 26/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, V phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân